TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2024/DS-PT
Ngày: 19-6-2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thanh

Bà Nguyễn Thị Bích Thảo

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đạt Nguyên – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Ông Trần Minh Công – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2024/TLPT-DS ngày 16 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp: *"Hợp đồng Dân sự vay tài sản"*.

Do Bản án số 22/2024/DS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2024/QĐ-PT ngày 17 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Bà Trần Thị O, sinh năm: 1963; cư trú tại số F, đường H, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Đoàn Thị Bích P, sinh năm: 1980; cư trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Đinh Thị Minh T, sinh năm: 1986; vắng mặt.

2. Chị Đinh Thị Mai T1, sinh năm: 1991; vắng mặt.

3. Chị Đinh Thị Thu Y, sinh năm: 1992; vắng mặt.

4. Anh Đinh Văn T2, sinh năm: 1994; vắng mặt.

5. Chị Đinh Thị Tú A, sinh năm: 2001; vắng mặt.

Cùng cư trú tại số F, đường H, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người kháng cáo:* Bà Đoàn Thị Bích P – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ghi ngày 06/10/2023, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của bà Trần Thị O thì: Vào ngày 10/11/2016 bà P có vay của vợ chồng bà số tiền là 130.000.000đ; ngày 26/11/2016 vay thêm 50.000.000đ; ngày 13/12/2016 vay thêm là 10.000.000đ, khi vay các bên có viết giấy tờ với nhau; lãi suất thỏa thuận là 2.000đ/1.000.000đ/ngày; do là vay nóng nên các bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Tuy nhiên thời hạn vay nóng thì chỉ trong vòng một tuần đến hai tuần thì bà P phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà số tiền trên. Trong quá trình vay thì bà P chưa trả cho vợ chồng bà số tiền gốc và tiền lãi suất.

Ngoài ra, vào năm 2018 bà có cho bà P vay 360.000.000đ. Trong quá trình vay thì đến ngày 18/3/2020 giữa bà với bà P có đối chiếu công nợ lại với nhau theo đó bà P còn nợ của vợ chồng bà số tiền gốc và tiền lãi là 92.270.000đ. Trong số tiền này thì bà không xác định được tiền gốc và tiền lãi là bao nhiêu. Hiện nay giấy vay tiền đối với số tiền 360.000.000đ bà P là người đang giữ. Sau đó bà P trả cho bà được 12.270.000đ và còn nợ lại 80.000.000đ hiện nay chưa trả. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 1.000đ/1.000.000đ/ngày. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P phải trả cho bà số tiền gốc của cả hai khoản vay là 270.000.000đ và tiền lãi suất đối với khoản nợ 80.000.000đ là 103.200.000đ, tổng cộng là 373.200.000đ.

- Theo lời trình bày của bà Đoàn Thị Bích P thì: Việc nguyên đơn trình bày bà có vay của ông T3 (chồng bà O) với tổng số tiền 190.000.000đ nêu trên là đúng, khi vay bà có ký giấy nhận nợ với ông T3; đối với tiền lãi suất thì có khi ông T3 lấy 2.000đ/1.000.000đ/ngày, có khi 3.000đ/1.000.000đ/ngày, có khi hơn 3.000đ/1.000.000đ/ngày; quá trình vay thì bà đã trả hết số tiền trên cho ông T3 vào tối ngày 29/12/2016 với tổng số tiền là 250.000.000đ, trong đó số tiền gốc là 190.000.000đ, còn lại là tiền lãi. Như vậy hiện nay bà không còn nợ ông T3 số tiền nêu trên.

Ngoài ra, bà có vay của bà O số tiền 360.000.000đ vào ngày 21/10/2018; từ ngày 21/10/2018 đến ngày 08/01/2019 bà đã trả được cho bà O 100.000.000đ; số tiền này bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi. Đồng thời bà O tính lãi suất 78 ngày thành tiền lãi là 15.600.000đ. Từ ngày 21/10/2018 đến ngày 04/02/2019 bà đã trả được cho bà O số tiền là 200.000.000đ, bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi đồng thời bà O tính tiền lãi suất từ ngày 21/10/2018 đến ngày 04/2/2019 thành tiền là 41.600.000đ. Như vậy chốt đến ngày 04/2/2019 bà còn nợ lại bà O tiền lãi là

57.200.000đ, tiền gốc là 60.000.000đ. Trong quá trình nợ lại số tiền trên thì vào ngày 20/3/2019 bà có trả cho bà O 43.000.000đ tiền gốc và tiền lãi; đến ngày 18/3/2020 bà O chốt sổ với bà thì bà còn nợ số tiền 92.270.000đ; sau đó bà đã trả được cho bà O số tiền 12.270.000đ và còn nợ lại số tiền 80.000.000đ. Như vậy, bà xác định bà đã trả được cho bà O với tổng số tiền gốc và tiền lãi suất là 355.270.000đ. Đối với số tiền bà nợ lại của bà O là 80.000.000đ thì bà đã trừ vào số tiền 63.000.000đ mà bà O nợ của bà. Hiện nay bà không còn nợ bà O khoản tiền nào. Vì vậy, bà không đồng ý trả lại theo yêu cầu của bà O. Đồng thời bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà O phải trả lại cho bà số tiền còn dư là 94.115.000đ.

- Chị Đinh Thị Minh T, chị Đinh Thị Mai T1, chị Đinh Thị Thu Y, anh Đinh Văn T2, chị Đinh Thị Tú A trình bày: Trong vụ án này các anh chị không có ý kiến và yêu cầu gì.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 22/2024/DS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2024; Toà án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị O về việc yêu cầu bà Đoàn Thị Bích P phải trả cho bà Trần Thị O số tiền gốc là 190.000.000đ.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị O về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn bà Đoàn Thị Bích P.

+ Buộc bà Đoàn Thị Bích P phải trả cho bà Trần Thị O số tiền là 63.556.000đ.

+ Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Đoàn Thị Bích P về việc yêu cầu bà Trần Thị O phải trả lại cho bà P số tiền là 94.115.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 17/4/2024 bà Đoàn Thị Bích P kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không buộc bà phải trả cho bà Trần Thị O số tiền 63.556.000đ.

Tại phiên tòa,

Bà Đoàn Thị Bích P đồng ý trả số tiền nợ gốc và tiền lãi cho bà Trần Thị O số tiền 20.000.000đ.

Bà Trần Thị O không đồng ý với kháng cáo của bà P, đề nghị giải quyết như Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đoàn Thị Bích P, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn phải thanhh toán cho nguyên đơn số tiền 20.000.000đ (cả gốc và tiền lãi).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định theo đúng quy định của pháp luật; đơn kháng cáo của bà Đoàn Thị Bích P; thủ tục kháng cáo được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 271, 273, 278 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Qua xem xét kháng cáo của bà Đoàn Thị Bích P về việc không đồng ý trả số tiền 63.556.000đ thì thấy rằng:

[2.1] Theo hồ sơ vụ án thể hiện: Các đương sự thừa nhận số tiền 80.000.000đ xuất phát từ khoản vay vào ngày 21/10/2018 theo đó bà P có vay của bà O 360.000.000đ. Quá trình thực hiên hợp đồng thì bà O cho rằng bà P còn nợ 80.000.000đ; bà P thì cho rằng bà đã trả đủ và đã trả dư cho bà O nên bà không đồng ý tiếp tục trả số tiền này cho cho nguyên đơn.

[2.2] Xét thấy, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thừa nhận trong số tiền 360.000.000đ vay ngày 21/10/2018 thì đến ngày 18/3/2020 hai bên chốt nợ còn lại 80.000.000đ; bà P thống nhất và các bên không tranh chấp các khoản tiền gốc và lãi đã trả trước đó; do vậy cần căn cứ vào giấy chốt nợ này để buộc trả.

Bên cạnh đó bà P cho rằng bà O có vay của bà số tiền là 63.000.000đ nên giữa hai bên đã cấn trừ số tiền bà O còn nợ lại bà P vào số tiền mà bà P còn nợ. Tuy nhiên đối với số tiền này thì bà O cho rằng đây là số tiền bà chơi đề và còn nợ bà P chứ không phải là tiền vay. Tuy nhiên bà O không xuất trình được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ trong khi đó bà P lại không thừa nhận nên cần cấn trừ số tiền này vào số nợ của bà P là phù hợp. Do vậy có căn cứ xác định bà P chỉ còn nợ bà O số tiền 17.000.000đ.

[2.3] Về tính lãi: tại giấy chốt nợ ngày 18/3/2020 các bên không thỏa thuận thời hạn thanh toán nên cần tính từ khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý cho đến ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 12/10/2023 -> ngày 09/4/2024) là phù hợp; giữa hai bên thống nhất mức lãi suất thỏa thuận là 2.000đ/1.000.000đ/ngày là quá cao so mới quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên cần điều chỉnh lại; cụ thể:

Từ ngày 12/10/2023->09/4/2024 làm tròn 06 tháng là 17.000.000đ x 1,66%/tháng x 06 tháng là 1.693.200đ; cộng cả gốc và lãi là 18.693.200đ. Tại

phiên tòa hôm nay bà P đồng ý trả 20.000.000đ; xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên cần chấp nhận.

[3] Đối với số tiền 43.000.000đ bà P cho rằng đã trả cho bà O nhưng không xuất trình được chứng cứ, chứng minh, bà O cũng không thừa nhận nên không có cơ sở để xem xét.

[4] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đoàn Thị Bích P, sửa Bản án sơ thẩm.

[5] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà P không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm. Bà P phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà O.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đoàn Thị Bích P, sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị O về việc: "Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản" với bà Đoàn Thị Bích P.

2. Buộc bà Đoàn Thị Bích P phải trả cho bà Trần Thị O số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

3. Các phần khác của Bản án không có kháng cáo, kháng nghị thì đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Bà Đoàn Thị Bích P phải chịu 1.000.000đ án phí Dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 2.353.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004460 ngày 06/02/2024 của

Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; bà P được nhận lại 1.353.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm còn thừa.

- Án phí phúc thẩm: Bà Đoàn Thị Bích P không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm; bà P được nhận lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004660 ngày 26/4/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND huyện Lâm Hà (01);
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Châu Thạch